

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LÂM
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69/2024/HNGĐ- ST**

Ngày : 20.12.2024

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tài

2. Bà Lê Thị Sáu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 20 tháng 12 năm 2024, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 228/2024/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Hoàng Việt C**, sinh năm 1998

Địa chỉ: Thôn 1, xã LA, huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn 1, xã LA, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Anh C có mặt, chị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27/8/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị Nguyễn Thị D chung sống tự nguyện với nhau từ năm 2021, có tổ chức lễ cưới, hai bên gia đình đồng ý, đăng ký kết hôn tại UBND xã LA, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 04/11/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chưa có nhà riêng, sống chung nhà với bố mẹ anh C tại thôn 1, xã LA, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Tháng 5/2024 vợ chồng mâu thuẫn nên ly thân đến nay. Vợ chồng chung sống với nhau chưa lâu thì có nhiều mâu thuẫn. Anh C cho rằng mâu thuẫn chính là do tiền bạc, cuộc sống khó khăn, không đủ trang trải, C1 tiêu. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã ly thân, không thể hàn gắn được mặc dù đã cố gắng. Cả hai cũng đã có làm đơn thuận tình ly hôn, chị D yêu cầu

anh gửi đơn ly hôn đến Tòa án. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh C yêu cầu giải quyết ly hôn với chị D.

Về con chung: Quá trình chung sống anh C và chị D có 01 con chung tên là Hoàng Nguyễn Linh C1, sinh ngày 07/9/2022. Khi bàn bạc, làm đơn thuận tình ly hôn thì chị D cũng đồng ý giao con cho anh C nuôi dưỡng. Hiện nay con chung đang ở với anh C. Anh C yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh C và chị D không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh C và chị D không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt gửi Tòa án ngày 22/10/2024 và các lời khai khác, bị đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D thống nhất ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị D và anh C có 01 con chung là Hoàng Nguyễn Linh C1, sinh ngày 07/9/2020. Chị D đồng ý giao con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị D cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng, cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng.

Về tài sản chung: Chị D và anh C không có tài sản chung.

Về nợ chung: Chị D và anh C không có nợ chung.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 13 tháng 11 năm 2024 nhưng không thành.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm không tham gia phiên tòa nên không có bài phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

2. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Viết C và chị Nguyễn Thị D chung sống tự nguyện với nhau từ năm 2021, có tổ chức lễ cưới, hai bên gia đình đồng ý, đăng ký kết hôn tại UBND xã LA, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 04/11/2021. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chưa có nhà riêng, sống chung nhà với bố mẹ anh C tại thôn 1, xã LA, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Tháng 5/2024 vợ chồng mâu thuẫn nên ly thân đến nay. Cuộc sống chung của vợ chồng chưa lâu thì có nhiều mâu thuẫn và không thể hàn gắn được. Anh C cho rằng mâu thuẫn chính là do tiền bạc, cuộc sống khó khăn, không đủ trang trải, C1 tiêu. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, đã ly thân, không thể hàn gắn mặc dù đã cố gắng. Chị D trình bày cả hai không có tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mâu thuẫn vợ chồng cả hai đều thừa nhận, cùng ký vào đơn thuận tình ly hôn, chị D yêu cầu anh gửi đơn ly hôn đến Tòa án. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên anh C yêu cầu giải quyết ly hôn với chị D và chị D cũng yêu cầu được ly hôn với anh C. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh C và chị D được ly hôn là có cơ sở và đúng pháp luật.

Về con chung: Căn cứ lời khai anh C, bản khai sinh của con do anh C xuất trình thì quá trình chung sống anh C và chị D có 01 con chung là Hoàng Nguyễn Linh C1, sinh ngày 07/9/2022. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay anh C đang trực tiếp nuôi con chung và có đủ điều kiện nuôi con. Anh C yêu cầu được nuôi con chung đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị D trình bày ý kiến cũng đồng ý giao con chung cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao con chung là Hoàng Nguyễn Linh C1, sinh ngày 07/9/2022 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng khi đủ 18 tuổi là có căn cứ và đúng pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh C không yêu cầu chị D về cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Anh C và chị D thống nhất trình bày không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Anh C và chị D thống nhất trình bày không có nợ chung, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc anh Hoàng Việt C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Việt C đối với chị Nguyễn Thị D về việc “Ly hôn”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Việt C và chị Nguyễn Thị D được ly hôn.

2. Về con chung: Buộc chị Nguyễn Thị D có nghĩa vụ giao con chung là Hoàng Nguyễn Linh C1, sinh ngày 07/9/2022 cho anh Hoàng Việt C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc anh Hoàng Việt C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn), được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh C đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0007226 ngày 10 tháng 10 năm 2024 của C1 cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- C1 cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã LA, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Bích Thủy

